Những vấn đề có thể gây mất đoàn kết xã hội tại Việt Nam

Hồ Mạnh Tùng^{1,2}

1. Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Láng Hạ, Hà Nội, Việt Nam

2. Ritsumeikan Asia Pacific University, Beppu, Oita, Japan

Ngày 18 tháng 9 năm 2020

Tóm tắt

Bài viết dưới đây phân tích về những vấn đề có thể gây ra mâu thuẫn và chia rẽ xã hội tại Việt Nam bao gồm: nghèo đói và bất bình đẳng kinh tế; sự phức tạp của mạng xã hội; sự phức tạp của quá trình di cư, đô thị hóa; và đối đầu với hậu quả môi trường. Đối với nghiên cứu trong tương lai về vấn đề đoàn kết xã hội, việc nghiên cứu *sự tiếp biến văn hóa* (acculturation) (Vuong & Napier, 2016a) và *cộng tính văn hóa* (cultural additivity) (Vuong et al., 2018) của các luồng tư tưởng và giá trị phương Tây như nữ quyền, dân chủ, quyền cá nhân, v.v... vào hệ thống giá trị lõi tại Việt Nam là rất quan trọng trong việc làm rõ các rủi ro mất đoàn kết và hài hòa xã hội. Bên cạnh đó, các nghiên cứu lý thuyết để phân biệt và tạo cầu nối giữa “đoàn kết xã hội,” khái niệm do Emile Durkheim khởi xướng, và “hài hòa xã hội”, khái niệm tồn tại lâu đời trong tư tưởng Nho Giáo cũng là cần thiết.

Từ khóa: đoàn kết xã hội; hài hòa xã hội; cộng tính văn hóa; tiếp biến văn hóa; bản cùng hóa; bất bình đẳng.

Nghèo đói và bất bình đẳng xã hội

Tăng trưởng kinh tế luôn được cho là một trong những phương châm hiệu quả để giảm thiểu mâu thuẫn và chia rẽ trong xã hội. Quan điểm này đã được những kinh tế gia nổi tiếng như Tyler Cowen

(2018), ĐH George Mason, Mỹ. Tuy nhiên, bên cạnh tăng trưởng kinh tế thuần túy, việc phân phối lại thành quả của sự tăng trưởng cũng rất quan trọng, trong cuốn *Cái giá của sự bất bình đẳng* (*The price of inequality*) nhà kinh tế đạt giải Nobel Joseph Stiglitz, ĐH Columbia đã chỉ ra những bằng chứng thực nghiệm cho thấy tác hại của bất bình đẳng gia tăng đối với tính ổn định của xã hội (Stiglitz, 2012). Một ví dụ điển hình là Chile, mặc dù liên tục tăng trưởng ở mức 3,87% từ 2000 đến 2017, xã hội vẫn rất bất ổn, do nguồn lực xã hội tập trung vào một số ít nhóm lợi ích trong thành phần tư nhân (Vasquez, 2019). Các nghiên cứu thực chứng trong kinh tế đã chỉ ra, tại các quốc gia tăng trưởng kinh tế tỉ lệ nghịch với gia tăng bất bình đẳng trong thu nhập (Alesina & Rodrik, 1994).

Trên phương diện đó, các nghiên cứu kinh tế tại Việt Nam đã chỉ ra Việt Nam đã có chính sách kinh tế vĩ mô rất tốt trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cũng như phân phối nguồn lực trong xã hội. Điều này, đã dẫn đến làm giảm hoặc chậm lại quá trình gia tăng bất bình đẳng thu nhập, góp phần ổn định, xây dựng sự xã hội. Ví dụ, nghiên cứu gần đây về bất bình đẳng đa chiều (multidimensional inequality) tại Việt Nam do Bùi Thị Kim Thanh (ĐH Cần Thơ) và Guido Erreygers (ĐH Antwerp, Bỉ) cho thấy bất bình đẳng đa chiều ở Việt Nam đã giảm xuống trên cơ sở phân tích số liệu từ 2002-2012 (Bui & Erreygers, 2020).

Tuy nhiên, khi các nhà kinh tế tính đến yếu tố các nhóm yếu thế như các dân tộc thiểu số, hoặc phụ nữ hoặc người di dân, thì các phân tích về khoảng cách giàu nghèo chỉ ra vấn đề bất bình đẳng vẫn còn rất hiện hữu đối với các nhóm này. Điều này có thể dẫn tới sự mất đoàn kết xã hội. Ta có thể kể đến nghiên cứu của Benjamin, Brandt, and McCaig (2017) chỉ ra phần lớn sự bất bình đẳng đến từ khoảng cách giữa nhóm dân tộc Kinh và các dân tộc thiểu số. Hoặc Võ Hồng Đức (ĐH Mở TP HCM) và các cộng sự (2019) cho thấy bất bình đẳng trong thu nhập đối với phụ nữ,

đặc biệt là ở nhóm lương thấp, là phổ biến, vì lí do hạn chế trong tiếp cận giáo dục, kênh thông tin, cơ hội việc làm.

Một vấn đề khác có thể dẫn tới sự gia tăng nghèo đói và bất bình đẳng thu nhập trở lại là những thay đổi trong kết cấu ngành kinh tế ; hậu quả môi trường, sức khỏe đến từ phát triển kinh tế và đô thị hóa. Nghiên cứu của Benjamin và các cộng sự (2017) cho cơ hội việc làm trong ngành nông nghiệp là một yếu tố lớn trong việc làm giảm bất bình đẳng. Tuy nhiên, một nghiên cứu khác dựa trên số liệu 2004-2014 về thu nhập ở Việt Nam cho thấy, cơ hội việc làm trong ngành nông nghiệp đang giảm đi dù nông nghiệp vẫn là nguồn thu nhập chính cho nhiều hộ gia đình (Nguyen, Doan, & Tran, 2020).

Mạng xã hội và thông tin giả

Sự phổ cập của mạng xã hội tại Việt Nam có thể xem như một con dao hai lưỡi. Một mặt, mạng xã hội giúp cho càng ngày càng nhiều người được tiếp cận thông tin trên mạng Internet, qua đó tăng cường kết nối và chia sẻ. Một số nghiên cứu đã chỉ ra mạng xã hội có thể là nhân tố hỗ trợ sự quan tâm đến hoạt động xã hội với điểm khởi đầu là trên mạng Internet, và sau đó được lan rộng ra ngoài xã hội thực. Tính kết nối và gây dựng đoàn kết trên mạng xã hội thể hiện tương đối rõ nét trong thời gian qua tại Việt Nam, khi toàn ban ngành và nhân dân chung tay chống dịch COVID-19. Ví dụ, mạng Zalo và Facebook cung cấp nền tảng để Chính phủ cung cấp thông tin kịp thời và chính xác về tình trạng bệnh nhân, tình hình lây nhiễm dịch bệnh trong và ngoài nước, và các biện pháp phòng chống và đẩy lùi dịch bệnh (La et al., 2020). Khi giãn cách xã hội trở thành việc tất yếu để giảm thiểu lây nhiễm, mạng xã hội đã trở thành chiếc cầu nối ảo giúp xã hội đoàn kết hơn. Mặt khác, thông tin trên mạng xã hội không phải lúc nào cũng chính xác và được kiểm chứng đầy đủ. Hiện tượng thông tin giả đã không còn xa lạ với bất kỳ quốc gia nào. Cùng trên ví dụ về truyền thông thời COVID-19 tại Việt Nam, một phần không thể phủ nhận của thành công trong giáo dục

cộng đồng và gây dựng đoàn kết chính là nhờ cơ quan chức năng vào cuộc nhanh chóng dập tắt tin giả.

Đưa tin sai lệch về bất kỳ điều gì, không chỉ đại dịch hiện giờ mà còn rất nhiều vấn đề khác bao gồm chính sách xã hội, môi trường, và y tế, có thể gây nguy hiểm tính mạng và mất đoàn kết xã hội. Hiện tượng này đã và đang xảy ra tại một số nước phát triển, nơi làn sóng chủ nghĩa dân túy đang gia tăng và đe dọa tương lai của việc quản trị dựa trên bằng chứng khoa học. Một thập kỷ nghiên cứu về việc tiêu thụ tin tức trên các nền tảng xã hội như Facebook và Twitter đã đưa ra hai phát hiện nhất quán. Đầu tiên, mạng xã hội đã trở thành một nguồn chính để cung cấp tin tức về các vấn đề công cộng (Lee et al., 2017). Thứ hai, sử dụng phương tiện truyền thông xã hội để đưa tin làm tăng mức độ tham gia chính trị của các cá nhân (Boulianne, 2019; Skoric, Zhu, Goh, & Pang, 2016). Tuy nhiên, các phương tiện truyền thông xã hội và các trang web, thiếu sự kiểm soát chất lượng, đang thay thế báo chí trở thành nguồn thông tin chính cho công chúng và nhiều chính trị gia, ngay cả ở cấp cao nhất (Williamson, 2016).

Các nghiên cứu trên không có tính đột phá, và kết quả cũng không quá ngạc nhiên, nhưng lại mang ý nghĩa sâu sắc cho xã hội Việt Nam – nơi gần 65% dân số online. Việc mạng xã hội không chỉ là “sân chơi”, nền tảng thuần giải trí, giao lưu, mà còn là nguồn cung cấp thông tin, tin tức cho rất nhiều người, thì chúng ta cần chú ý hơn bao giờ về các thông tin được chia sẻ và tiếp cận trên Zalo, Facebook, hay Twitter.

Các vấn đề khác

Bền cùng hóa do tình trạng bệnh nặng

Những nghiên cứu gần đây trong ngành *y kinh tế (health economics)* đã cho thấy sự mong manh về tài chính của người tiêu dùng Việt Nam. Mỗi khi phát hiện ra tình trạng bệnh nặng, rất nhiều

gia đình bệnh nhân đã rơi vào trạng thái bản cùng hóa (Vuong, 2015). Việc người tiêu dùng rất nhạy cảm với chi phí y tế cũng là một ví dụ cho sự mong manh của nhiều gia đình khi đối mặt với tình trạng bệnh tật (Vuong, Ho, Nguyen, & Vuong, 2018; Vuong, 2016b). Một nghiên cứu tổng quát khác trong ngành kinh tế của TS. Võ Tất Thắng (ĐH Kinh tế TP HCM) cũng cho thấy tại Việt Nam, có một bộ phận không nhỏ những người đang sống trong bờ vực của sự nghèo đói: bên cạnh nghèo tiếp tục sinh nghèo, và sự mong manh của những người chưa nghèo có thể đẩy họ vào tình trạng nghèo đói (Vo, 2018).

Việc di cư và quá trình đô thị hóa

Mặc dù, các nghiên cứu thực chứng gần đây cho thấy đô thị hóa và di cư tại Việt Nam đã góp phần những tác động tích cực lên việc giảm thiểu đói nghèo và bất bình đẳng trong thu nhập (Arouri, Ben Youssef, & Nguyen, 2017; Ha, Le, & Trung-Kien, 2019). Ví dụ, di cư sang các thành phố lớn giúp các hộ gia đình ở nông thôn giảm thiểu chi phí sinh hoạt, tăng thu nhập từ hoạt động ngoài nông nghiệp, tăng khả năng tìm kiếm cơ hội việc làm, tăng khả năng tiếp cận với giáo dục (Arouri et al., 2017)

Tuy nhiên, cũng có nhiều nghiên cứu chỉ ra việc di cư cũng tạo ra các tác động tiêu cực. Một là các áp lực tâm lý lớn đối với người di cư và gia đình của họ, đặc biệt là trẻ em và trẻ vị thành niên (Weiss, Dang, Lam, & Nguyen, 2020). Hai là khả năng tiếp tục vòng tuần hoàn nợ nần, nợ sinh ra nợ, vì nhiều gia đình để di cư phải đi vay tiền (Hoang, 2020; Nguyen, Nguyen, Vuong, Ho, Vuong, 2019). Ba là áp lực môi trường lên các thành phố lớn và chất lượng cuộc sống (Koubi, Spilker, Schaffer, & Bernauer, 2016).

Kết luận

Vấn đề đoàn kết xã hội là vấn đề được chính phủ và các cơ quan hữu quan quan tâm, tuy vậy, nghiên cứu về đoàn kết xã hội tại Việt Nam bên cạnh khía cạnh kinh tế, cần chú trọng hơn khía cạnh văn hóa. Đặc biệt là khi trong văn hóa Việt Nam luôn tồn tại khái niệm hài hòa xã hội, một khái niệm chịu có nguồn gốc sâu xa từ Nho Giáo (Vuong et al., 2018, Vuong et al., 2020; Nguyen & Ho, 2019; Weatherley, 2002; Wang & Juslin, 2009). Đối với các nhóm thiểu số hoặc yếu thế, nghiên cứu làm rõ quan niệm xã hội đối với họ và tìm phương thức để giảm thiểu thái độ phân biệt, kì thị cũng vô cùng quan trọng (Hong, 2004; Khuat et al., 2018; Le & Yu, 2019) .

Bên cạnh đó, đối với vấn đề đoàn kết và hài hòa xã hội, một yếu tố quan trọng cần được nghiên cứu là quá trình tiếp biến văn hóa đang xảy ra tại Việt Nam và hệ quả của nó. Với sự du nhập của các luồng tư tưởng từ phương Tây như chủ nghĩa nữ quyền, quyền cá nhân, v.v..., việc nghiên cứu sự tiếp biến (acculturation) (Vuong & Napier, 2016a) và cộng tính văn hóa (cultural additivity) (Vuong et al., 2018) của các giá trị văn hóa mới vào hệ thống giá trị lõi tại Việt Nam là rất quan trọng trong việc làm rõ các rủi ro mất đoàn kết và hài hòa xã hội.

Tài liệu tham khảo

- Alesina, A., & Rodrik, D. (1994). Distributive politics and economic growth*. *The Quarterly Journal of Economics*, 109(2), 465-490. doi:10.2307/2118470
- Arouri, M., Ben Youssef, A., & Nguyen, C. (2017). Does urbanization reduce rural poverty? Evidence from Vietnam. *Economic Modelling*, 60, 253-270.
doi:<https://doi.org/10.1016/j.econmod.2016.09.022>
- Benjamin, D., Brandt, L., & McCaig, B. (2017). Growth with equity: income inequality in Vietnam, 2002–14. *The Journal of Economic Inequality*, 15(1), 25-46.
doi:10.1007/s10888-016-9341-7

- Boulianne, S. (2019). Revolution in the making? Social media effects across the globe. *Information, communication & society*, 22(1), 39-54.
- Bui, T. K., & Erreygers, G. (2020). Multidimensional inequality in Vietnam, 2002–2012. *Economies*, 8(2). doi:10.3390/economies8020029
- Cowen, T. (2018). *Stubborn attachments: a vision for a society of free, prosperous, and responsible individuals*. New York: Stripe Press.
- Ha, N. M., Le, N. D., & Trung-Kien, P. (2019). The impact of urbanization on income inequality: A Study in Vietnam. *Journal of Risk and Financial Management*, 12(3), 146.
- Hoang, L. A. (2020). Debt and (un)freedoms: The case of transnational labour migration from Vietnam. *Geoforum*, 116, 33-41. doi:https://doi.org/10.1016/j.geoforum.2020.08.001
- Hong Vo, D., Van, L. T.-H., Tran, D. B., Vu, T. N., & Ho, C. M. (2019). The determinants of gender income inequality in Vietnam: a longitudinal data analysis. *Emerging Markets Finance and Trade*, 1-25. doi:10.1080/1540496X.2019.1609443
- Hong, K. T. (2004). Sexual harassment in Vietnam: A new term for an old phenomenon. *Gender practices in contemporary Viet Nam*, 117-137.
- Khuat, T. H., Do, T. T., Nguyen, V. A. T., Vu, X. T., Nguyen, P. T. T., Tran, K., ... & Vuong, Q. H. (2018). The dark side of female HIV patient care: Sexual and reproductive health risks in pre-and post-clinical treatments. *Journal of Clinical Medicine*, 7(11), 402.
- Koubi, V., Spilker, G., Schaffer, L., & Bernauer, T. (2016). Environmental stressors and migration: Evidence from Vietnam. *World Development*, 79, 197-210. doi:https://doi.org/10.1016/j.worlddev.2015.11.016
- La, V.-P., Pham, T.-H., Ho, M.-T., Nguyen, M.-H., P. Nguyen, K.-L., Vuong, T.-T., . . . Vuong, Q.-H. (2020). Policy Response, Social Media and Science Journalism for the

Sustainability of the Public Health System Amid the COVID-19 Outbreak: The Vietnam Lessons. *Sustainability*, 12(7). doi:10.3390/su12072931

Le, T. M., & Yu, N. (2019). Ideological and philosophical underpinnings of attitudes toward sexual minorities in Vietnamese society. *Sexuality & Culture*, 23(2), 444-457.

Lee, F. F., Chan, M., Chen, H.-T., Leung, D. K., Kalogeropoulos, A., & Nielsen, R. K. (2017). Reuters Institute Digital News Report 2017 Asia-Pacific Supplementary Report. Available at SSRN 3070264.

Mangan, D., Gramano, E., & Kullmann, M. (2020). An unprecedented social solidarity stress test. *European Labour Law Journal*, 11(3), 247-275. doi:10.1177/2031952520934585

Nguyen HKT, Nguyen VHT, Vuong TT, Ho MT, Vuong QH. (2019). The new politics of debt in the transition economy of Vietnam. *Austrian Journal of South-East Asian Studies*, 12(1), 91-110. DOI:10.14764/10.ASEAS-0015.

Nguyen, H., Doan, T., & Tran, T. Q. (2020). The effect of various income sources on income inequality: a comparison across ethnic groups in Vietnam. *Environment, Development and Sustainability*, 22(2), 813-834. doi:10.1007/s10668-018-0221-0

Nguyen, T.-D., & Ho, M.-T. (2019). People as the roots (of the state): Democratic elements in the politics of traditional vietnamese confucianism. *Journal of Nationalism, Memory & Language Politics*, 13(1), 90-110.

Ridzuan, A. R., Bolong, J., Omar, S. Z., Osman, M. N., AL MANSOR, A. S., & ISMAIL, S. (2014). Social media as an agent of social solidarity in Malaysia. In Jurnal. Dipaparkan pada Social Sciences Post Graduate International Seminar (SSPIS 2014) di USM, Penang. Tersedia dalam [https://www. researchgate](https://www.researchgate).

net/publication/269821147_SOCIAL_MEDIA_AS_AN_AGENT_OF_SOCIAL_SOLIDARITY_IN_MALAYSIA diakses pada (Vol. 6)).

Skoric, M. M., Zhu, Q., Goh, D., & Pang, N. (2016). Social media and citizen engagement: A meta-analytic review. *New Media & Society*, 18(9), 1817-1839.

Stiglitz, J. E. (2012). *The price of inequality: How today's divided society endangers our future*: WW Norton & Company.

Vasquez, E. (2019). Chile's private and public sectors: Social conflict and economic development. 2000-2017. Available at SSRN 3443684. Retrieved from https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=3443684

Vo, T. T. (2018). Household vulnerability as expected poverty in Vietnam. *World Development Perspectives*, 10-12, 1-14. doi:<https://doi.org/10.1016/j.wdp.2018.04.002>

Vuong, Q. H. (2016a) Global mindset as the integration of emerging socio-cultural values through mindsponge processes: A transition economy perspective. In J. Kuada (ed.) *Global Mindsets: Exploration and Perspectives* (pp. 109-126). London: Routledge. ISBN: 978-1-13-883177-3;

Vuong, Q. H. (2015). Be rich or don't be sick: estimating Vietnamese patients' risk of falling into destitution. *SpringerPlus*, 4(1), 529. doi:10.1186/s40064-015-1279-x

Vuong, Q. H. (2016b) Medical expenses matter most for the poor: evidence from a Vietnamese medical survey. *Materia Socio Medica*. 28(6), 429-431.

Vuong, Q. H. (2018). The (ir) rational consideration of the cost of science in transition economies. *Nature Human Behaviour*, 2(1), 5-5.

Vuong, Q.H., Bui, Q.K., La, V.P., Vuong, T.T., Nguyen, V.H. T., Ho, M.T., Nguyen, T.H.K & Ho, M.-T. (2018). Cultural additivity: behavioural insights from the interaction of

- Confucianism, Buddhism and Taoism in folktales. *Palgrave Communications*, 4(1), 143.
doi:10.1057/s41599-018-0189-2
- Vuong, Q.H., Ho, M.T., Nguyen, H.K.T., Vuong, T.T., Tran, T., Hoang, K.L., Vu, T.H., Hoang, P.H., Nguyen, M.H., Ho, M.T. & La, V.-P. (2020). On how religions could accidentally incite lies and violence: folktales as a cultural transmitter. *Palgrave Communications*, 6(1), 82. doi:10.1057/s41599-020-0442-3
- Vuong, Q.-H., Ho, T.-M., Nguyen, H.-K., & Vuong, T.-T. (2018). Healthcare consumers' sensitivity to costs: a reflection on behavioural economics from an emerging market. *Palgrave Communications*, 4(1), 70. doi:10.1057/s41599-018-0127-3
- Wang, L., & Juslin, H. (2009). The impact of chinese culture on corporate social responsibility: The harmony approach. *Journal of Business Ethics*, 88(3), 433-451. doi:10.1007/s10551-009-0306-7
- Weatherley, R. (2002). Harmony, hierarchy and duty based morality: The Confucian antipathy towards rights. *Journal of Asian Pacific Communication*, 12(2), 245-267.
- Weiss, B., Dang, H.-M., Lam, T. T., & Nguyen, M. C. (2020). Urbanization, and child mental health and life functioning in Vietnam: implications for global health disparities. *Social Psychiatry and Psychiatric Epidemiology*, 55(6), 673-683. doi:10.1007/s00127-020-01838-4
- Williamson, P. (2016). Take the time and effort to correct misinformation. *Nature*, 540(7632), 171-171.